

Số: 27/2016/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, ấp đặc biệt khó khăn;
sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ chi tiêu ngành Giáo dục và Đào tạo;
chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và Trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách Nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

Xét Tờ trình số 285/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc đề nghị thông qua chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, ấp đặc biệt khó khăn; sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ chi tiêu ngành Giáo dục và Đào tạo; chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất thông qua chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, ấp đặc biệt khó khăn; sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ chi tiêu ngành Giáo dục và Đào tạo; chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

1. Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh ở xã, ấp đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, cụ thể như sau:

a) Khoảng cách:

- Đối với học sinh Tiểu học: Khoảng cách từ 4 (bốn) km trở lên từ nhà đến trường.

- Đối với học sinh Trung học cơ sở: Khoảng cách từ 7 (bảy) km trở lên từ nhà đến trường.

- Đối với học sinh Trung học phổ thông: Khoảng cách từ 10 (mười) km trở lên từ nhà đến trường.

b) Địa bàn:

Áp dụng theo các quyết định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về xác định xã, ấp đặc biệt khó khăn.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số chính sách, chế độ chi tiêu đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, như sau:

Chế độ hỗ trợ đối với các Hội thi, Hội thao cấp huyện, cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc của ngành Giáo dục và Đào tạo, gồm:

a) Cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc:

- Tiền ăn tập luyện: 50.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày.

- Tiền thuê phòng nghỉ tập luyện: 80.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày.

- Tiền ăn dự thi: 90.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày

- Tiền thuê phòng nghỉ dự thi: 130.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày.

- Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo và các thành viên tiểu ban: 60.000 đồng/người/ngày.

b) Cấp huyện:

- Tiền ăn tập luyện: 40.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày.

- Tiền ăn dự thi: 70.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày.

- Tiền thuê phòng nghỉ dự thi: 60.000 đồng/vận động viên (thí sinh)/ngày.

- Ban Tổ chức, Ban Chỉ đạo và các thành viên tiểu ban: 50.000 đồng/người/ngày.

c) Quy định mức hỗ trợ chi cho Hội thi, Hội thao của ngành Giáo dục và Đào tạo tổ chức

(Đính kèm Phụ lục)

Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo hàng năm theo phân cấp ngân sách.

3. Sửa đổi Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 09/2006/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, như sau:

Định mức chi tổ chức xét tốt nghiệp THPT:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Trưởng đoàn thanh tra: 120.000 đồng/người/ngày.

b) Thư ký, Thành viên, Thanh tra, Ủy viên: 110.000 đồng/người/ngày.

c) Phục vụ: 30.000 đồng/người/ngày.

4. Sửa đổi Khoản 5, Khoản 6, Mục A, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, như sau:

Định mức hỗ trợ cho kế toán, thủ quỹ thực hiện công tác kiêm nhiệm:

a) Giáo viên, cán bộ, công nhân viên kiêm nhiệm công tác kế toán được phụ cấp 300.000 đồng/người/tháng.

b) Giáo viên, cán bộ, công nhân viên kiêm nhiệm công tác thủ quỹ được phụ cấp 200.000 đồng/người/tháng.

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí hoạt động hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của đơn vị.

5. Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước được hỗ trợ tiền tài liệu, tiền tàu xe và một phần tiền ăn theo số ngày thực tế đi học, với mức hỗ trợ như sau:

a) Những tài liệu trực tiếp phục vụ môn học (không kể tài liệu tham khảo) theo khung chương trình do cơ sở đào tạo quy định nếu có chứng từ hợp lệ sẽ được thanh toán theo thực tế.

b) Tiền tàu xe được thanh toán theo tiêu chuẩn với chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập theo quy định.

c) Hỗ trợ tiền ăn:

- Đào tạo, bồi dưỡng trong tỉnh được hỗ trợ 40.000 đồng/người/ngày.

- Đào tạo, bồi dưỡng ngoài tỉnh được hỗ trợ 45.000 đồng/người/ngày.

Riêng học tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được hỗ trợ 50.000 đồng/người/ngày.

- Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức là nữ thì được hỗ trợ thêm 200.000 đồng/người/tháng.

- Điều kiện để được hỗ trợ: Nơi trụ sở cơ quan làm việc đến nơi tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng từ 10 km trở lên.

Điều 2. Nghị quyết này bãi bỏ: Khoản 5, Khoản 6, Mục A, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2005/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Khoản 4, Điều 1, Nghị quyết số 09/2006/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2006 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số chính sách, chế độ chi tiêu đối với ngành Giáo dục và Đào tạo và Khoản 1, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và chính sách thu hút nhân lực tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết theo đúng quy định.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát quá trình thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa IX Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2016. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. /



Huỳnh Thanh Tạo

PHỤ LỤC

*(Kèm theo Nghị quyết số 27/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)*

Dvt: đồng



I. Cấp tỉnh:	ĐƠN VỊ TÍNH	MỨC CHI	CHI CHỨ
1. Ra đề thi:			
a. Chi cho công tác ra đề thi chính thức và dự bị:			
- Thi trắc nghiệm, tự luận.	Người/ngày	150.000	
- Thi chọn đội tuyển dự thi Quốc gia (tự luận, trắc nghiệm, thực hành).	Người/ngày	300.000	
b. Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng, Ban ra đề:			
- Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	120.000	
- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	110.000	
- Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng trong	Người/ngày	90.000	
- Ủy viên, Thư ký, Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	50.000	
2. Coi thi: Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng, Ban coi thi.			
- Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	110.000	
- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	100.000	
- Ủy viên, Thư ký, Giám thị	Người/ngày	90.000	
- Bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	50.000	
3. Chăm thi: Chi phụ cấp trách nhiệm Hội đồng chấm thi, Hội đồng phúc khảo, thẩm định			
- Chủ tịch hội đồng	Người/ngày	120.000	
- Các Phó Chủ tịch	Người/ngày	110.000	
- Ủy viên, Thư ký, Kỹ thuật viên	Người/ngày	100.000	
- Bảo vệ	Người/ngày	50.000	
4. Các nhiệm vụ khác có liên quan: Chi phụ cấp trách nhiệm thanh tra: Trưởng đoàn, Thành viên	Người/ngày	100.000	
II. Cấp huyện: Định mức chi bằng 70% cấp tỉnh			